

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ – TP. HÀ NỘI**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Huy, ông Lê Văn Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2024. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 456/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 04/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm: 1975.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn N, thị trấn TĐ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

(Anh C có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Văn C trình bày: Anh và chị H kết hôn năm 1995, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TĐ, huyện Ba Vì. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống tại thôn N, thị trấn TĐ, huyện Ba Vì. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn căng thẳng. Vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xung đột cãi chửi và xô xát với nhau, chị H tham gia quá nhiều vào việc bán hàng đa cấp, thường xuyên vắng nhà, mặc dù anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị

H không nghe. Từ năm 2019 đến năm 2020 chị H bỏ vào miền Nam sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Năm 2023 chị H về nhà, tuy nhiên tình cảm vợ chồng không hàn gắn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị ly hôn với chị H.

Con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Lê Thị T, sinh ngày 01/02/1996; Lê Thị Ng, sinh ngày 22/08/1998; Lê Thị Y, sinh ngày 26/6/2001 và Lê Văn D, sinh ngày 04/7/2010. Hiện nay các cháu T, Ng và Y đều đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất và tâm thần nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng. Đối với cháu Lê Văn D, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2023 chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị thừa nhận lời trình bày của anh C về quan hệ hôn nhân. Theo chị nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có quan hệ ngoại tình với người khác, vợ chồng thường cãi chửi, bất đồng quan điểm, không chia sẻ, quan tâm nhau. Mặc dù chị đã cố gắng bỏ qua việc ngoại tình của anh C để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C vẫn không thay đổi. Trong thời gian 2 năm 6 tháng chị vào miền Nam thì chị vẫn chủ động liên lạc hỏi thăm. Tháng 02/2023 chị trở về thì tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị và anh C đều có công việc và mỗi quan tâm riêng, không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ tình cảm. Tuy nhiên chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị H thừa nhận lời trình bày của anh C về 4 con chung. Chị xin được nuôi dưỡng cháu D đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2023 cháu Lê Văn D khai: Cháu là con của bố C, mẹ H. Cháu được biết bố cháu làm đơn xin ly hôn mẹ cháu, nguyên nhân là do bố mẹ cháu không hợp nhau. Nay cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ nên cháu chưa có quan điểm rõ ràng về việc lựa chọn muốn sống cùng bố hay mẹ cháu. Tại biên bản làm việc ngày 25/7/2023 tại Trung tâm hòa giải – Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, cháu D có nguyện vọng xin được sống cùng bố vì mẹ cháu thường xuyên đi làm ở Hà Nội.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành làm việc, chính quyền địa phương thị trấn TĐ cho biết: Anh C và chị H là công dân của thị trấn TĐ, anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn TĐ ngày 10/3/1995. Hai anh chị sống hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, có thời gian sống ly thân. Nay anh C xin ly hôn với chị H, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Anh C và chị H có bốn con chung là cháu Lê Thị T, Lê Thị Ng, Lê Thị Y và Lê Văn D. Hiện cháu T, Nga, Yên đều đã trưởng thành. Cháu Lê Văn D đang sống cùng anh C, cháu D được anh C và gia đình chăm sóc tốt, phát triển bình thường.

* Tại phiên tòa,

Anh Lê Văn C giữ nguyên quan điểm, chị H vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:** Đề nghị cho anh C được ly hôn với chị H. Giao cháu Lê Văn D, sinh 04/7/2010 cho anh C nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H đến khi có yêu cầu mới. Tài sản chung, riêng, nợ chung: không xem xét. Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị H cùng có hộ khẩu thường trú tại huyện Ba Vì nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì theo quy định tại khoản 1 điều 35 BLTTDS. Chị H đã nhận được các thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị H vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND thị trấn TĐ, huyện Ba Vì ngày 10/3/1995 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm, anh C và chị H có công việc riêng, vị trí địa lý cách xa nhau nên không có điều kiện quan tâm, chia sẻ, cảm thông. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không chung chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình, sống ly thân nhau từ năm 2019. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nên chấp nhận cho anh C được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh C và chị H có bốn con chung là Lê Thị T, sinh ngày 01/02/1996; Lê Thị Ng, sinh ngày 22/08/1998; Lê Thị Y, sinh ngày 26/6/2001 và Lê Văn D, sinh ngày 04/7/2010. Hiện nay các cháu Lê Thị T, Lê Thị Ng và Lê Thị Y đều đã trưởng thành anh C và chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng. Đối với cháu Lê Văn D, anh C và chị H đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu D đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng. Nguyện vọng của anh C và chị H đều chính đáng. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu D do anh C nuôi dưỡng, anh C vẫn chăm sóc tốt cho cháu D phát triển bình thường. Mặt khác, lời khai của cháu D tại Trung tâm hòa giải có nguyện vọng xin được ở với bố. Vì vậy cần giao cháu D cho anh C nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Anh C và chị H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: có bốn con chung là Lê Thị T, sinh ngày 01/02/1996; Lê Thị Ng, sinh ngày 22/08/1998; Lê Thị Y, sinh ngày 26/6/2001 và Lê Văn D, sinh ngày 04/7/2010. Hiện nay cháu Lê Thị T, Lê Thị Ng và Lê Thị Y đều đã trưởng

thành nên không giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Giao cháu Lê Văn D cho anh Lê Văn C nuôi dưỡng đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác. Chị H được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H cho đến khi có yêu cầu mới.

3. Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 13/10/2023, theo biên lai số AA/2020/ 0061281.

5. Quyền kháng cáo: Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND thị trấn TĐ.
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Trọng Đức